

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO YÊN  
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/HNGĐ-ST

Ngày 14/6/2022

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO YÊN, TỈNH LÀO CAI**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Trần Đình Tiến

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Dương Quý Sáng

2. Bà Phạm Thị D

***-Thư ký phiên toà:*** Bà Lê Thị Dần - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

Ngày 14 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2022/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 5 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị P, sinh năm 1979; trú tại bản C, xã H, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai - có mặt.

2. Bị đơn: Anh Long Văn H2, sinh năm 1975, trú tại bản C, xã H, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai - có mặt.

**NỘI D VU ÁN:**

Trong đơn khởi kiện đề ngày 09/5/2022 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Bùi Thị P trình bày: Chị và anh Long Văn H2 tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật mà tổ chức theo phong tục tập quán của địa phương.

Sau khi chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong làm ăn phát triển kinh tế gia đình và nuôi dạy con cái. Sự việc xảy ra vợ chồng đã tìm cách khắc phục nhưng không thành, nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn để sớm ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Long Văn G, sinh ngày 03/3/1993 và Long Thị D, sinh ngày 29/3/2006, các cháu phát triển, khỏe mạnh bình thường và do anh H2 đang trực tiếp nuôi dưỡng. Tại các lời khai chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu D còn cháu G đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu giải quyết. Tuy nhiên tại buổi hòa giải và tại phiên Tòa chị đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận, anh Long Văn H2 trực tiếp nuôi dưỡng cháu D đến tuổi trưởng thành.

-Về tài sản chung: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Anh Long Văn H2 trình bày: Anh đồng ý với chị P về điều kiện, hoàn cảnh chung sống, mâu thuẫn gia đình và con chung như các lời khai chị P đã trình bày. Anh đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận, anh tiếp tục nuôi dưỡng cháu D đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng nuôi con chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Chị Bùi Thị P làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Long Văn H2 và đề nghị giải quyết trách nhiệm nuôi con. Bị đơn cư trú tại bản C, xã H, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai, vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Bùi Thị P và anh Long Văn H2 không đăng ký

kết hôn theo quy định của pháp luật nên Tòa án không hòa giải về quan hệ hôn nhân mà chỉ hòa giải về trách nhiệm và cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị P và anh Long Văn H2 chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990. Quá trình chung sống anh chị có thời gian hạnh phúc và có con chung nhưng đến nay anh chị vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân bất hợp pháp không được pháp luật thừa nhận. Vì vậy không công nhận chị Bùi Thị P và anh Long Văn H2 là vợ chồng phù hợp với khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống chị Bùi Thị P và anh Long Văn H2 có 02 con chung trong đó cháu Long Trọng G đã trưởng thành anh chị không đề nghị giải quyết xét thấy phù hợp. Còn cháu Long Thị D, sinh ngày 29/3/2006, tại buổi hòa giải ngày 02/6/2022 và tại phiên tòa anh chị đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận, sau ly hôn anh H2 trực tiếp nuôi dưỡng cháu D, chị P không phải cấp dưỡng nuôi con. Tại biên bản lấy ý kiến của cháu Long Thị D ngày 19/5/2022 cháu có nguyện vọng người trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn phù hợp với sự thỏa thuận của anh H2, chị P. Xét sự thỏa thuận trên là tự nguyện phù hợp với quy định của pháp luật cần được chấp nhận.

[5] Về án phí: Chị Bùi Thị P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14, Điều 15; Điều 53; khoản 1,2 Điều 81; khoản 1,3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử không công nhận chị Bùi Thị P và anh Long Văn H2 là vợ chồng.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, anh Long

Văn H2 trực tiếp trông non, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Long Thị D, sinh ngày 29/3/2006 đến khi cháu đủ 18 tuổi, chị Bùi Thị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn chị P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị Pưng phải chịu 300.000đ đồng tiền án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số: 0003501 ngày 16/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh (1);
- VKSND tỉnh+huyện(2);
- THADS huyện(1);
- Các đương sự (2);
- HS-TA(2).

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Đình Tiến**